

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HSST
Ngày: 15-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BD**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Sơn Tây;
2. Ông Bùi Duy Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh BD.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2019/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/HSST-QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô Minh T (tên gọi khác: B), sinh năm 1976; tại: A; đăng ký HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh A; tạm trú: 26/1 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh BD; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Phước V (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1955; bị cáo có vợ và 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/3/2019 cho đến nay. Có mặt.

- ***Bị hại:*** Bà Đinh Thị Thu R, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố T, phường , thị xã TU, tỉnh BD. Có mặt.

- ***Người làm chứng:*** Ông Đặng Văn Ngọc V, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã TU, tỉnh BD. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đặng Văn Ngọc V thuê Ngô Minh T làm phụ hồ tại công trình xây dựng ki-ốt của bà Đinh Thị Thu R. Khoảng 08 giờ ngày 04/3/2019, ông Vân đi thuê máy đầm nền, bà R đi mua thức ăn sáng. Tại công trình còn T đang làm sơn tường và con của bà R là Huỳnh Minh T đang ngủ trên gác trong nhà. Trong lúc làm việc, T vào trong nhà để lấy dụng cụ xây dựng và đi vệ sinh. T đi ngang qua phòng của bà R nhìn thấy cửa phòng mở, không có người trong phòng, tại vị T tay cầm phía trong cánh cửa có treo một túi xách màu đỏ không khóa kéo bên trong có nhiều tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt. T quán sát xung quanh không có người. T nhanh chóng dùng tay trái giữ cánh cửa phòng, tay phải đưa vào túi xách lấy một phần trong sấp tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng bỏ vào túi quần bên phải đang mặc. T ra bên hông nhà kiểm tra biết số tiền chiếm đoạt là 8.500.000 đồng và để tiền trong túi quần tiếp tục làm việc bình thường. Đến 15 giờ cùng ngày, bà R phát hiện mất tiền nên hỏi ông Vân và T nhưng cả hai nói không biết ai lấy. Bà R nghi ngờ T là người lấy tiền của bà R nên bà R tiếp tục hỏi nhưng T không thừa nhận. Đến 16 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô biển số 67D1-002.94 về nhà trọ và cất giấu số tiền 8.500.000 đồng trên gác trong phòng. Đến 18 giờ bà R báo sự việc tại Công an phường T. Trong quá trình làm việc T đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản và tự nguyện giao nộp số tiền 8.500.000 đồng và giao nộp thêm số tiền 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 59/CT-VKS-TU ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố bị cáo Ngô Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị Thu R xác định số tiền bị chiếm đoạt là 8.500.000 đồng. Đồng thời bà R thừa nhận có sơ hở trong việc quản lý tài sản và nhận thấy gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã trả lại tài sản cho bà R nên bà R xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Bà R không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Minh T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Do không có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi của bị cáo, bị cáo đã nhận thức rõ sai phạm của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm về chăm sóc cho gia đình.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh BD. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Ngô Minh T là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại công trình xây dựng ki-ốt thuộc khu phố Tân Long, phường Tân Hiệp, thị xã TU, tỉnh BD, Ngô Minh T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Đinh Thị Thu R đã lén lút chiếm đoạt số tiền 8.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, không phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt. Cáo trạng đã truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU cũng như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác thể hiện ý thức và thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo không

những xâm phạm trái phép quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà gây còn mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo đã có gia đình, vợ con, có công việc ổn định, nhưng không cố gắng lao động chân chính để tạo ra của cải, vật chất nuôi sống bản thân, gia đình và làm gương cho các con noi theo. Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, đồ vật có liên quan: Số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo tự nguyện nộp là tài sản của bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã trả lại cho bị cáo theo Quyết định xử lý vật chứng số 02 ngày 10/3/2019. Số tiền 8.500.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của bà R, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã trả lại cho bị hại theo Quyết định xử lý vật chứng số 74 ngày 10/3/2019

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 135, 136, 331, 333, 336 và 337 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Ngô Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Minh T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh BD giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo

quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Ngô Minh T phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BD;
- VKSND tỉnh BD;
- PV06, Công an tỉnh BD;
- Sở Tư pháp tỉnh BD;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm

